

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÍNH HỮU HIỆU CỦA HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN PHỤ KIỆN ỐNG THÉP HAI TIAN VIỆT NAM

● PHAN THỊ MINH THI

Học viên cao học, Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh

TÓM TẮT:

Trong bối cảnh doanh nghiệp (DN) ngày càng mở rộng quy mô và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào quản trị, việc xây dựng và vận hành hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ (HTKSNB) trở thành yêu cầu cấp bách nhằm đảm bảo tính minh bạch, tuân thủ và nâng cao hiệu quả hoạt động. Qua phương pháp nghiên cứu định lượng, đề tài xác định 6 nhân tố tác động tích cực đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại công ty, cụ thể: Đánh giá rủi ro ($\beta = 0.267$), Môi trường kiểm soát ($\beta = 0.252$), Giám sát ($\beta = 0.208$), Công nghệ thông tin ($\beta = 0.197$), Hoạt động Kiểm soát ($\beta = 0.174$), Thông tin truyền thông ($\beta = 0.134$). Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất các hàm ý quản trị.

Từ khóa: hệ thống kiểm soát nội bộ, Công ty TNHH Phụ kiện Ống thép Hai Tian Việt Nam, tính hữu hiệu, kiểm soát nội bộ.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động, cạnh tranh gay gắt, áp lực suy thoái, các DN phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc duy trì hiệu quả hoạt động. Do đó, xây dựng HTKSNB hữu hiệu trở thành yêu cầu cấp thiết, giúp phòng ngừa rủi ro, hạn chế sai sót, ngăn chặn gian lận và đảm bảo tính chính xác của số liệu kế toán, báo cáo tài chính, nâng cao hiệu suất hoạt động của tổ chức.

Đề cập đến HTKSNB, mỗi tổ chức sẽ có cách tiếp cận khác nhau. Các DN tại Việt Nam, đặc biệt là DN có vốn đầu tư nước ngoài, chủ yếu triển khai

dựa trên kinh nghiệm thực tế tích lũy mà chưa bám sát các tiêu chuẩn quốc tế, dẫn đến hiệu quả kiểm soát không như mong đợi. Do đó, việc thiết lập HTKSNB hữu hiệu không là lựa chọn mà trở thành yêu cầu bắt buộc đối với mọi tổ chức. Đây chính là cơ chế giám sát khoa học, thay thế cho phương thức quản lý truyền thống bằng các quy định rõ ràng, có hệ thống, minh bạch và có thể đánh giá được.

Công ty TNHH Phụ kiện Ống thép Hai Tian Việt Nam (Hai Tian Việt Nam) - DN có vốn đầu tư Trung Quốc, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất phụ kiện đường ống thép phục vụ công nghiệp và xây

dựng, số lượng công nhân dao động trên 224 lao động, với doanh thu đạt khoảng 180 - 200 tỷ đồng/năm. Trong 3 năm gần đây, Công ty gặp phải một số sự cố liên quan đến sai sót trong quá trình ghi nhận nguyên liệu, chậm báo cáo nội bộ và thiếu minh bạch trong phê duyệt đơn hàng, gây thiệt hại khoảng 700 - 900 triệu đồng/năm theo báo cáo nội bộ năm 2022 - 2023. Đây là những dấu hiệu cho thấy, HTKSNB chưa thực sự đồng bộ và phát huy tối đa hiệu quả. Ngoài ra, theo đánh giá của phòng Kế toán - Tài chính (P.KT-TC), quy trình giám sát nội bộ vẫn còn mang tính thủ công, chưa có bộ chỉ số đánh giá hiệu quả kiểm soát định lượng rõ ràng. Việc thiếu sự đánh giá rủi ro (ĐGRR) mang tính hệ thống khiến Công ty phụ thuộc phần lớn vào năng lực xử lý tình huống của cán bộ cấp quản lý, gây tiềm ẩn nguy cơ lớn về vận hành và tài chính.

2. Cơ sở lý thuyết, mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

2.1.1. Cơ sở lý thuyết về HTKSNB

Theo khung kiểm soát nội bộ COSO, “HTKSNB là một quá trình do Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và toàn thể nhân viên thiết kế và vận hành, nhằm cung cấp sự đảm bảo hợp lý về việc đạt được các mục tiêu liên quan đến: (1) hiệu quả và hiệu lực hoạt động, (2) độ tin cậy của báo cáo tài chính, và (3) tuân thủ pháp luật và các quy định hiện hành.”

2.1.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Qua lược khảo các nghiên cứu trước, tác giả xác định các nhân tố có khả năng ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Hai Tian Việt Nam, gồm:

- *Môi trường kiểm soát (MTKS)*: là nền tảng quyết định chất lượng của toàn bộ HTKSNB, nhiều nghiên cứu khẳng định vai trò then chốt của yếu tố này đối với tính hữu hiệu của HTKSNB. Trần Thị Tuyết Nhung (2019) và Braim & Mohammed (2023) chỉ ra các yếu tố thuộc MTKS, như: tính chính trực của lãnh đạo, phân công trách nhiệm rõ ràng và chính sách nhân sự có ảnh hưởng tích cực đến tính hữu hiệu của HTKSNB.

- *Đánh giá rủi ro (ĐGRR)*: việc thực hiện ĐGRR trong hệ thống và định kỳ, thường xuyên giúp nhận diện và cập nhật các rủi ro (RR) có thể xảy ra sẽ mang lại hiệu quả kiểm soát tốt hơn.

- *Hoạt động kiểm soát (HĐKS)*: Đây được xem là phần dễ nhìn thấy nhất trong các phần của HTKSNB, gồm: quyết định hay phê duyệt chứng từ, quy trình kiểm kê định kỳ ở các phòng ban, phân quyền trách nhiệm trong chỉ tiêu hay sản xuất. Trần Thị Tuyết Nhung (2019) phản ánh các chính sách, thủ tục để giảm thiểu RR, cho thấy các HĐKS được thiết kế tốt và thực thi nhất quán sẽ làm giảm sai lệch và gian lận, từ đó nâng cao tính hữu của HTKSNB.

- *Thông tin và truyền thông (TTTT)*: là kênh chuyển giao dữ liệu để ra quyết định và thực thi kiểm soát. Đào Thị Hiền (2022) chỉ ra kênh thông tin kém hoặc báo cáo trễ làm giảm hiệu quả của hệ thống kiểm soát.

- *Giám sát (GS)*: là thành phần cho phép phát hiện kịp thời lỗi và điều chỉnh. Trần Thị Tuyết Nhung (2019), Braim & Mohammed (2023) cho thấy, GS thường xuyên và độc lập bao gồm kiểm toán nội bộ, kiểm tra chéo sẽ làm tăng tính hữu hiệu của HTKSNB.

- *Công nghệ thông tin (CNTT)*: Dù CNTT không luôn xuất hiện như một thành phần độc lập trong mọi nghiên cứu COSO truyền thống, nhưng nhiều nghiên cứu như Afiah & Azwari (2015) và Đào Thị Hiền (2022) cho thấy CNTT là nhân tố then chốt, giúp tự động hóa quy trình, lưu trữ bằng chứng giao dịch, tạo audit trail và hỗ trợ giám sát thời gian thực.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài thực hiện theo phương pháp hỗn hợp. Nghiên cứu định tính giúp khái quát hóa các nghiên cứu trước và hệ thống hóa cơ sở lý thuyết, đồng thời đề xuất mô hình nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Hai Tian Việt Nam. Qua thảo luận chuyên gia để xây dựng mô hình, thang đo chính thức và Bảng khảo sát. Nghiên cứu định lượng giúp kiểm định các nhân tố và đo lường mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại DN.

230 Bảng câu hỏi được gửi qua Google Forms đầu tiên đến cán bộ quản lý cấp cao và trung, bao gồm: Ban Giám đốc (BGĐ), Phó Giám đốc, Trưởng/Phó các phòng ban và các chức danh tương đương và mở rộng đến nhân viên các phòng ban/bộ phận chuyên môn.

Mô hình nghiên cứu đề xuất:

$$\begin{aligned} \text{HHKSNB} = & \beta_0 + \beta_1 \text{MTKS} \\ & + \beta_2 \text{ĐGRR} + \beta_3 \text{HĐKS} + \beta_4 \text{TTTT} \\ & + \beta_5 \text{GS} + \beta_6 \text{CNTT} + \varepsilon \end{aligned}$$

Trong đó:

- Biến phụ thuộc: HHKSNB là tính hữu hiệu của HTKSNB tại Hai Tian Việt Nam.

- Biến độc lập: MTKS, ĐGRR, HĐKS, TTTT, GS, CNTT

- $\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5$ là các hệ số hồi quy của mô hình

- Hằng số: β_0

- ε : sai số

3. Kết quả nghiên cứu

Tác giả thực hiện kiểm định độ tin cậy các thang

đo của các biến độc lập và phụ thuộc, thực hiện rút trích nhân tố theo phương pháp EFA, kiểm tra mối quan hệ tương quan tuyến tính giữa các biến độc lập và phụ thuộc cũng như giữa các biến độc lập với nhau, từ đó đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính như Bảng 1.

Hệ số $R^2 = 0.878 > 0.5$, do vậy, đây là mô hình thích hợp để đánh giá mối quan hệ giữa biến phụ thuộc và 06 biến độc lập. Hệ số R^2 hiệu chỉnh là 0.875, nghĩa là 06 biến độc lập giải thích được 87.5% cho sự thay đổi của biến phụ thuộc, 12.5% còn lại được giải thích bởi các nhân tố khác ngoài mô hình hoặc do sai số ngẫu nhiên. (Bảng 2)

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Từ đó, phương trình hồi quy tuyến tính các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại Hai Tian Việt Nam với các hệ số chuẩn hóa được viết như sau:

$$\begin{aligned} \text{HHKSNB} = & 0.267 * \text{ĐGRR} + 0.252 * \text{MTKS} \\ & + 0.208 * \text{GS} + 0.197 * \text{CNTT} \\ & + 0.174 * \text{HĐKS} + 0.134 * \text{TTTT} \end{aligned}$$

Bảng 1. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² - hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng
1	0.937	0.878	0.875	0.26986

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

Bảng 2. Kết quả các trọng số hồi quy

Mô hình	Hệ số chưa chuẩn hoá		Hệ số chuẩn hoá	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
	B	Sai số	Beta			Hệ số Tolerance	Hệ số VIF
(Constant)	.110	.076		1.455	.147		
MTKS	.192	.025	.252	7.663	.000	.518	1.930
DGRR	.202	.024	.267	8.289	.000	.542	1.846
HĐKS	.123	.023	.174	5.314	.000	.525	1.906
TTTT	.122	.028	.134	4.427	.000	.608	1.644
GS	.161	.022	.208	7.202	.000	.672	1.487
CNTT	.147	.025	.197	5.933	.000	.507	1.973

Nguồn: Tính toán từ phần mềm SPSS

4. Hàm ý quản trị

Các hàm ý quản trị được xây dựng dựa trên kết quả nghiên cứu và xếp theo thứ tự ảnh hưởng từ mạnh nhất đến yếu nhất. Theo đó, để góp phần nâng cao tính hữu hiệu của HHKSNB tại Hai Tian Việt Nam cần chú trọng các khía cạnh:

Thứ nhất, ĐGRR có ảnh hưởng mạnh nhất đến tính hữu hiệu của HTKSNB tại đơn vị. Vì vậy, việc tăng cường hoạt động nhận diện và kiểm soát RR có tính chất then chốt và quyết định đến hiệu quả quản trị nội bộ của DN. Theo đó, DN cần xây dựng cơ chế quản lý rủi ro nội bộ với các bước, gồm: xác định, phân tích, đánh giá và ứng phó RR. Các RR trọng yếu trong hoạt động sản xuất, như: sai sót trong kiểm tra chất lượng nguyên liệu, gián đoạn chuỗi cung ứng, biến động tỷ giá khi nhập khẩu nguyên vật liệu, tai nạn lao động, hay sự cố máy móc cần được nhận diện và quản lý thường xuyên. Ngoài ra, DN cũng nên xây dựng danh mục RR định kỳ, tổ chức họp rà soát rủi ro hàng quý, đồng thời đào tạo cán bộ chủ chốt về quản trị rủi ro để tăng khả năng phản ứng khi xảy ra sự cố.

Thứ hai, MTKS đóng vai trò là nền tảng cho mọi hoạt động kiểm soát trong DN, định hình văn hóa kiểm soát và mức độ tuân thủ trong toàn bộ hệ thống vận hành. BGĐ cần thể hiện cam kết mạnh mẽ và liên tục đối với việc xây dựng, duy trì, cải thiện HTKSNB và cần được thể hiện không chỉ qua các văn bản, quy định, mà còn thông qua hành vi thực tế, tinh thần nêu gương và sự nhất quán trong chỉ đạo điều hành. Cụ thể, DN cần xây dựng văn hóa dựa trên các giá trị cốt lõi, như: trung thực, trách nhiệm, minh bạch và tuân thủ pháp luật. Việc duy trì các giá trị này phải được lồng ghép vào mọi hoạt động quản lý, sản xuất và giao tiếp nội bộ, giúp mỗi cán bộ, nhân viên nhận thức rõ vai trò trong HTKSNB. Đồng thời, DN nên tổ chức định kỳ các buổi truyền thông nội bộ, tọa đàm, hoặc đào tạo chuyên đề về đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công vụ, qua đó nâng cao ý thức và tinh thần tuân thủ.

Mặt khác, DN cần củng cố cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo phân định rõ

chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giữa các phòng ban và vị trí công việc, tránh chồng chéo hoặc bỏ sót trách nhiệm kiểm soát. DN cũng nên xây dựng và thực hiện chính sách nhân sự minh bạch, gồm: quy định cụ thể về tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, khen thưởng và kỷ luật. Việc đánh giá, khen thưởng cần gắn liền với hiệu quả công việc và mức độ tuân thủ và ngược lại thì cần được xử lý nghiêm minh, công bằng và nhất quán, tránh hình thức và đảm bảo tính rắn đe.

Đặc biệt, BGĐ cần xây dựng cơ chế báo cáo, phản hồi và tiếp nhận ý kiến nhân viên về các vấn đề nội bộ. Việc khuyến khích cơ chế phản ánh minh bạch, bảo mật danh tính người báo cáo không chỉ giúp phát hiện sớm các vi phạm mà còn góp phần xây dựng văn hóa trách nhiệm và liêm chính.

Thứ ba, GS đóng vai trò đảm bảo cho toàn bộ HTKSNB vận hành liên tục, đúng hướng và đạt hiệu quả cao. DN cần tăng cường công tác GS thường xuyên thông qua theo dõi, kiểm tra định kỳ các hoạt động sản xuất, kế toán, kho, và tài chính.

Để đảm bảo khách quan, nên thiết lập bộ phận kiểm toán nội bộ độc lập trực thuộc BGĐ, có chức năng giám sát việc tuân thủ quy trình và đánh giá hiệu quả kiểm soát. Bộ phận này cần lập kế hoạch kiểm tra hàng quý hoặc đột xuất khi phát hiện dấu hiệu rủi ro, đồng thời lập báo cáo kết quả giám sát gửi BGĐ kèm khuyến nghị cải tiến. Giám sát phải được chuẩn hóa bằng biểu mẫu, quy trình và tiêu chí đánh giá cụ thể, giúp việc theo dõi, đối chiếu và tổng hợp kết quả trở nên dễ dàng hơn. Ngoài ra, Công ty nên ứng dụng phần mềm quản lý kiểm toán nội bộ để số hóa quy trình giám sát, lưu trữ lịch sử kiểm tra và theo dõi tiến độ thực hiện khắc phục sau kiểm toán.

Cuối cùng, Công ty cần thiết lập cơ chế phản hồi 2 chiều, nghĩa là sau mỗi kỳ giám sát, các bộ phận liên quan phải báo cáo tình hình khắc phục và đề xuất biện pháp cải tiến. Điều này giúp HTKSNB không chỉ duy trì ổn định mà còn liên tục được hoàn thiện phù hợp với tình hình sản xuất và thị trường.

Thứ tư, ứng dụng CNTT là nhân tố quan trọng giúp nâng cao hiệu quả kiểm soát, tự động hóa quy trình và giảm thiểu sai sót do yếu tố con người. DN cần đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện trong quản lý sản xuất và tài chính kế toán, hướng đến mô hình quản trị DN tích hợp (ERP). Cụ thể, cần triển khai hệ thống ERP hoặc phần mềm kế toán - kho - nhân sự tích hợp, cho phép tự động hóa quy trình nhập liệu, đối chiếu và lập báo cáo. Hệ thống này cần được liên thông giữa các phòng/ban để tránh trùng lặp, giúp dữ liệu được cập nhật tức thời và giảm thiểu rủi ro gian lận.

DN cũng cần đầu tư hạ tầng công nghệ phù hợp, gồm: thiết bị máy chủ, hệ thống sao lưu dữ liệu và mạng nội bộ an toàn. Đồng thời, xây dựng chính sách bảo mật thông tin, quy định rõ quyền truy cập và trách nhiệm của từng cá nhân khi sử dụng hệ thống.

Việc đào tạo kỹ năng cho nhân viên cũng rất cần thiết, đặc biệt đối với các bộ phận kế toán, kho và quản lý sản xuất. DN nên tổ chức các lớp hướng dẫn sử dụng phần mềm, nhận diện và xử lý lỗi kỹ thuật, đảm bảo họ sử dụng thành thạo trong công tác kiểm soát.

Thứ năm, HĐKS giúp cụ thể hóa các chính sách, quy trình và quy định, là công cụ trực tiếp giúp ngăn ngừa, phát hiện và xử lý sai sót, gian lận trong hoạt động sản xuất - kinh doanh của DN.

Theo đó, DN cần rà soát toàn bộ quy trình nghiệp vụ trọng yếu (gồm: mua hàng, nhập kho, sản xuất, thanh toán, bán hàng, đối chiếu công nợ) nhằm phát hiện các điểm yếu, lỗ hổng và trùng lặp trong kiểm soát. Sau đó, tiến hành chuẩn hóa lại quy trình với sơ đồ luồng công việc rõ ràng, xác định cụ thể người thực hiện, người kiểm tra và người phê duyệt. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế phê duyệt nhiều cấp đối với các giao dịch quan trọng, như: chi phí đầu tư, hợp đồng mua nguyên liệu, hoặc chi trả công nợ lớn, nhằm tăng cường sự giám sát chéo. Các quy trình kiểm tra, đối chiếu và phê duyệt cần được số hóa để lưu vết điện tử, giúp dễ dàng truy xuất và đối chứng khi cần.

DN cũng nên thực hiện kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất nhằm đảm bảo quy trình kiểm soát luôn được tuân thủ. Kết quả kiểm tra phải được ghi nhận và phản hồi để kịp thời khắc phục các sai sót. Ngoài ra, có thể áp dụng hệ thống đánh giá chỉ tiêu hoàn thành công việc nội bộ gắn với mức độ tuân thủ quy trình của từng cá nhân, giúp tăng trách nhiệm và giảm thiểu rủi ro vi phạm.

Thứ sáu, TTTT là yếu tố kết nối toàn bộ HTKSNB, đảm bảo các chính sách, quy trình và kết quả kiểm soát được truyền đạt, tiếp nhận và phản hồi kịp thời trong toàn tổ chức. Vì thế, DN cần thiết lập hệ thống thông tin nội bộ hiệu quả, bao gồm các kênh truyền thông điện tử như email nội bộ, nhóm làm việc (Workplace, Teams, Zalo), bản tin nội bộ/cổng thông tin DN.

Thông tin về thay đổi quy trình, hướng dẫn công việc, chính sách mới hoặc kết quả kiểm toán cần được công bố kịp thời đến các bộ phận liên quan để đảm bảo thực hiện thống nhất. Công ty nên khuyến khích giao tiếp 2 chiều giữa lãnh đạo và nhân viên, thông qua hộp thư góp ý, khảo sát định kỳ hoặc họp nội bộ hàng tháng, giúp phát hiện kịp thời các vấn đề phát sinh trong quy trình kiểm soát và tăng tính minh bạch, đoàn kết. Ngoài ra, Công ty cần đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ truyền thông nội bộ (ví dụ: cổng thông tin tích hợp thông báo - quy trình - biểu mẫu), giúp tiết kiệm thời gian, giảm giấy tờ và tạo môi trường làm việc hiện đại, chuyên nghiệp.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định tính hữu hiệu của HTKSNB chịu ảnh hưởng đồng thời từ yếu tố con người, quy trình, công nghệ và văn hóa DN. Trong đó, năng lực DGRR đóng vai trò then chốt giúp Công ty nhận diện và kiểm soát kịp thời sai sót trong hoạt động sản xuất - kinh doanh; MTKS và GS là nền tảng đảm bảo tuân thủ và hiệu quả; trong khi ứng dụng CNTT và hệ thống truyền thông nội bộ giúp tối ưu hóa quá trình kiểm soát, tăng tính minh bạch và khả năng truy xuất dữ liệu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Đào Thị Hiền (2022). Hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại Công ty TNHH H.A.V.A.S. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Trần Thị Tuyết Nhung (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ tại Ban quản lý dự án ODA TP. Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Cần Thơ, tập 69, số 3.

Afiah N. N. & Azwari C. (2015). The Effect of the Implementation of Government Internal Control System (GICS) on the Quality of Financial Reporting of the Local Government and its Impact on the Principles of Good Governance: A Research in District, City, and Provincial Government in South Sumatera.

Braim I. & Mohammed A. (2023). The COSO Framework: Implications of Internal Control Components on the Performance of Manufacturing Companies.

Coso (1992, 2013). Internal Control - Integrated Framework.

Ngày nhận bài: 7/8/2025

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 20/8/2025

Ngày chấp nhận đăng bài: 11/9/2025

**FACTORS INFLUENCING THE EFFECTIVENESS
OF THE INTERNAL CONTROL SYSTEM:
A CASE STUDY OF HAI TIAN VIETNAM STEEL
PIPE ACCESSORIES CO., LTD.**

● **PHAN THI MINH THI**

Master's student, Ho Chi Minh City University of Economics & Finance

ABSTRACT:

In the context of enterprises expanding their scale and increasingly integrating technology into management, establishing and effectively operating an internal control system has become essential to ensure transparency, regulatory compliance, and operational efficiency. This study employs quantitative research methods to examine factors influencing the effectiveness of internal control systems in companies. The findings identify six key factors with positive impacts: Risk Assessment ($\beta = 0.267$), Control Environment ($\beta = 0.252$), Monitoring ($\beta = 0.208$), Information Technology ($\beta = 0.197$), Control Activities ($\beta = 0.174$), and Communication & Information ($\beta = 0.134$). Based on these results, the study offers managerial implications to enhance internal control effectiveness and support sustainable organizational performance.

Keywords: internal control system, Hai Tian Vietnam, effectiveness, internal control.